

Hiệu quả vốn đầu tư phát triển ở tỉnh Quảng Trị

HỒ NGỌC HY

Tăng trưởng và phát triển là mục tiêu hàng đầu của các quốc gia trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy các nhà kinh tế đã tập trung nghiên cứu nguồn gốc tạo ra sự tăng trưởng và phát triển, nghĩa là nghiên cứu các nhân tố có tác động đến quá trình tăng trưởng và phát triển của mỗi quốc gia, trên cơ sở đó vận dụng vào thực tiễn tạo ra sự tăng trưởng. Một trong những nhân tố quan trọng được chú ý đó là vốn đầu tư - tiền đề, "chìa khoá của tăng trưởng".

Trong những năm qua, cùng với sự chủ động, sáng tạo, tích cực của ngành, các cấp,

tỉnh Quảng Trị đã có nhiều giải pháp nhằm huy động các nguồn vốn trong nước và thu hút nguồn vốn nước ngoài để tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Nhờ đó, vốn đầu tư tăng khá nhanh, nhất là nguồn vốn ngân sách nhà nước, tạo khả năng phát triển nhanh cơ sở hạ tầng, làm tiền đề để thu hút các nguồn vốn khác, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng trưởng và phát triển kinh tế theo hướng CNH, HĐH. Thế nhưng trong việc huy động, phân bổ và sử dụng vốn đạt hiệu quả còn thấp.

1. Tình hình huy động vốn đầu tư phát triển

BẢNG 1: Vốn đầu tư toàn xã hội của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1996 - 2005

Chi tiêu \ Năm	1996	2000	2001	2005	Tổng vốn từ 1996 - 2005
Tổng vốn (tỷ đồng)	250,5	609	764	1644	7579
Tỷ lệ so với GDP(%)	23,88	36,27	42,25	50,6	
1. Vốn đầu tư NSNN (tỷ đồng)	163,9	393	516	739	4.116
Tỷ lệ so với tổng đầu tư (%)	64,4	64,53	67,54	44,95	54,3
2. Vốn tín dụng đầu tư PTNN (tỷ đồng)	18	30	30	135	453,6
Tỷ lệ so với Σ ĐT (%)	7,19	4,93	3,93	8,44	5,98
3. Vốn đầu tư DNNN (tỷ đồng)	0	4	15	363	913,3
Tỷ lệ so với Σ ĐT (%)		0,66	1,96	22,69	12,05
4. Vốn dân cư và DN ngoài QĐ (tỷ đồng)	51	51	60	155	827
Tỷ lệ so với Σ ĐT (%)	20,36	8,37	7,85	9,69	10,9
5. Vốn nước ngoài (tỷ đồng)	17,6	131	143	252	1250,5
Tỷ lệ so với Σ ĐT (%)	7,03	21,51	18,72	15,75	16,5

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị

Dân gian ta có câu "Có bột mới gột nên hồ". Điều đó lại càng đúng với vốn đầu tư, bởi đây là yếu tố vật chất quyết định tốc độ tăng trưởng kinh tế. Quảng Trị trong mấy năm gần đây, vốn đầu tư tăng khá cả về quy mô tuyệt đối lẫn về tỷ lệ so với giá trị sản phẩm

quốc nội (GDP). Qua bảng 1, tổng vốn đầu tư xã hội được huy động và đưa vào thực hiện nhìn chung đều tăng qua các năm. Giai đoạn (1996 - 2005) đạt 7.579 tỷ đồng. Trong

Hồ Ngọc Hy, tỉnh Quảng Trị.

đó giai đoạn (2001 - 2005) đạt 5.664 tỷ đồng, gấp gần 3 lần giai đoạn (1996 - 2000). Năm 1991, năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 5 năm của tỉnh mới lập lại, vốn đầu tư toàn xã hội đạt 42,2 tỷ đồng, đến năm 2005, số này là 1.644 tỷ đồng, gấp 38,95 lần. Tốc độ huy động vốn đầu tư giai đoạn (1996 - 2005) là 23,25%, nếu loại bỏ yếu tố trượt giá thì tốc độ này là 17,89%. Vốn đầu tư doanh nghiệp nhà nước là tăng nhanh nhất, từ con số 0 năm 1996 thì năm 2005 đã vươn lên 300 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng lớn thứ hai sau nguồn vốn đầu tư ngân sách.

Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước được đưa vào thực hiện 4.116 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 54,3% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội. Qua các năm nguồn vốn này luôn luôn chiếm tỷ trọng cao nhất, nhưng có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2001-2005, tốc độ huy động vốn tăng bình quân là 18,21%/năm. Nguồn vốn này có ý nghĩa quyết định đối với sự tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế tỉnh, được tập trung chủ yếu vào lĩnh vực thu hồi vốn chậm như: xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (giao thông, thủy lợi, văn hóa, giáo dục, y tế...), hỗ trợ đầu tư cho các vùng khó khăn. Vốn ngân sách nhà nước còn đóng vai trò hạt nhân thu hút các nguồn vốn khác tham gia đầu tư phát triển.

Nguồn vốn đầu tư nước ngoài thực hiện được 1.250,5 tỷ đồng, chiếm khoảng 16,5%, tốc độ huy động vốn nhanh, đạt 32,7%/năm. Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA ngày càng được cải thiện. Năm 1992 là năm đầu tiên tỉnh tiếp nhận ODA với tổng số 0,5 tỷ đồng từ vốn viện trợ Nhật Bản (BIC) đến năm 2005 đã tăng lên 252 tỷ đồng từ nhiều nguồn tài trợ. Nguồn vốn ODA tập trung hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp nông thôn, xoá đói giảm nghèo (XĐGN), phát triển y tế, giáo dục, cung cấp nước sạch vệ sinh và môi trường, tăng cường năng lực thể chế....

Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước đạt khoảng 453,6 tỷ đồng, chiếm tỷ

trọng thấp nhất 5,98%, tốc độ huy động vốn 20,3%, chủ yếu tập trung vào vay đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu và tiêu dùng, khai thác nuôi trồng thủy sản..., cho vay thực hiện các chương trình kinh tế lớn của tỉnh như kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn.

Vốn huy động từ các doanh nghiệp và dân cư tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh và một phần đóng góp tự nguyện vì lợi ích công cộng. Nguồn vốn này đã huy động được 827 tỷ đồng, chiếm 12,05%, tốc độ huy động vốn 12,57%.

Cơ cấu kinh tế - vốn là kết quả của cơ cấu đầu tư, đã có sự chuyển dịch tích cực khi tỷ trọng GDP năm 2005 của công nghiệp đạt 23,7%, dịch vụ 39,5%, nông nghiệp 36,8%, thì cơ cấu vốn đầu tư phát triển theo ngành kinh tế đã dịch chuyển theo hướng ưu tiên cho nông nghiệp nông thôn, phát triển hạ tầng cơ sở, công nghiệp, dịch vụ và lĩnh vực xã hội, thể hiện:

Vốn đầu tư phát triển cho nông nghiệp, nông thôn 10 năm qua (1996 - 2005) đạt 1.275 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 26,7%. Trong đó 5 năm (2001 - 2005) chiếm 26%.

Vốn đầu tư phát triển các ngành công nghiệp có xu hướng tăng lên cả thời kì (1996 - 2005) là 1.095,5 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 23,93%, trong đó, 5 năm (2001 - 2005) chiếm 26,6%, tốc độ tăng bình quân hàng năm là 38,25%.

Vốn đầu tư phát triển cho lĩnh vực dịch vụ những năm sau có giảm xuống nhưng không đáng kể, vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, ở các năm suốt thời kì (1996 - 2005) với tổng vốn đầu tư 2.404 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 50,34%.

Cùng với các nhân tố khác, vốn có vai trò quan trọng quyết định nền kinh tế Quảng Trị tăng trưởng và tiếp tục chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH. Tỷ trọng GDP ngành công nghiệp từ 15,08% năm 2000 tăng lên

23,7% năm 2005; ngành nông nghiệp từ 44,9% năm 2000 giảm xuống còn 36,8% năm 2005; ngành dịch vụ từ 40,06% năm 2000 giảm xuống 39,5% năm 2005.

Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đã đánh giá về tăng trưởng kinh tế:

Sản xuất nông - lâm - thủy sản phát triển khá toàn diện và liên tục đạt những kết quả quan trọng. Cơ cấu cây trồng vật nuôi chuyển dịch mạnh. Nhiều giống cây trồng mới đưa vào sản xuất cho năng suất và giá trị cao. Từng bước hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp, vùng nguyên liệu cho phát triển cây công nghiệp chế biến. Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp tăng nhanh, bình quân tăng hàng năm 4,1%. Diện tích trồng rừng tiếp tục phát triển, diện tích đất lâm nghiệp có rừng đến năm 2005 là 191.429ha, đạt độ che phủ 38,8%. Mô hình kinh tế trang trại phát triển khá, đến đầu năm 2006 có 1.012 trang trại phát triển trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, kinh doanh tổng hợp.

Công nghiệp có bước phát triển tích cực. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân hàng năm 18,6%. Các ngành sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông - lâm - thủy sản tiếp tục đóng góp chủ yếu vào giá trị sản xuất công nghiệp. Một số dự án sản xuất công nghiệp đã được triển khai xây dựng tại Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, Khu công nghiệp Nam Đông Hà, Quán Ngang và một số địa bàn trong tỉnh.

Các sản phẩm mới như ván sợi MDF, giấy, nước giải khát, xăng lớp xe máy, tinh bột sắn... ra đời, bước đầu được thị trường chấp nhận. Các nghề truyền thống được khôi phục, phát triển.

Ngành thương mại - dịch vụ tiếp tục phát triển. Giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 15,44 triệu USD, giá trị nhập khẩu bình quân hàng năm đạt 17,56 triệu

USD. Hàng nông sản, thủy sản chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị xuất khẩu.

Cơ cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường đáng kể. Các dự án, công trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tăng khá so với thời kỳ năm 1996 - 2000. Các công trình quan trọng trên nhiều lĩnh vực đã và đang đầu tư xây dựng góp phần vào tăng năng lực sản xuất. Hệ thống giao thông - vận tải, giao thông nông thôn, hệ thống thủy lợi được ưu tiên đầu tư nâng cấp, sửa chữa và xây dựng. Bưu chính - viễn thông, năng lượng, điện lực phát triển nhanh. Đã thu hút và huy động các nguồn vốn đầu tư cho Chương trình 327 về phủ xanh đất trống đồi trọc, Chương trình 773 về khai thác bãi bồi ven biển, Chương trình cho vay vốn ưu đãi đóng tàu công suất lớn đánh bắt xa bờ, Chương trình hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn, Chương trình XDGN, Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn... Hệ thống hạ tầng đô thị, nhiều công trình phúc lợi công cộng đã được đầu tư xây dựng, đáp ứng yêu cầu phát triển và phục vụ đời sống của nhân dân.

2. Những khó khăn tồn tại trong việc huy động, sử dụng và quản lý vốn

Vốn đầu tư sản xuất kinh doanh tăng chậm, không đủ sức tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế tăng thêm sức cạnh tranh của nền kinh tế, làm hạn chế khả năng phát triển của tỉnh. Trong khi nguồn vốn ngân sách còn rất hạn hẹp và mất cân đối thì vốn đầu tư chủ yếu từ ngân sách nhà nước, chiếm 54,3% (bình quân chung cả nước là 21 - 22%). Tỷ lệ huy động vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh từ các doanh nghiệp nhà nước, dân cư và doanh nghiệp ngoài quốc doanh quá thấp, chỉ chiếm 17,7% (bình quân cả nước là 46,4%). Nguồn vốn huy động còn dưới mức tiềm năng, vốn tín dụng đầu tư chiếm 5,98%, trong khi bình quân cả nước là 14,2%.

Việc huy động vốn sản xuất kinh doanh bị giới hạn do những nguyên nhân chủ yếu

sau: thị trường nội tỉnh kém phát triển, môi trường đầu tư còn nhiều rủi ro, các doanh nghiệp có ít cơ hội để đầu tư phát triển. Đầu tư của dân cư thấp do khó khăn về vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm, tỷ lệ tích lũy thấp.... Tình trạng gây phiền hà, những nhiều đối với nhân dân và các nhà đầu tư là lực cản lớn, chi phí cao làm giảm sức hấp dẫn đầu tư kinh doanh. Tư tưởng bao cấp còn nặng, trông chờ vào nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn tài trợ, còn coi nhẹ việc huy động các nguồn lực đầu tư khác.

Huy động và tăng vốn đầu tư có ý nghĩa quan trọng như vậy, nhưng nâng cao hiệu quả vốn đầu tư còn quan trọng và có ý nghĩa hơn nhiều. Kinh nghiệm của nhiều nước, nhiều địa phương cho thấy: việc đạt được mục tiêu trong dài hạn không chỉ phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng trong ngắn hạn mà phần lớn phụ thuộc vào sự bền vững của tốc độ đó. Sự bền vững này phần lớn lại được quyết định bởi chất lượng tăng trưởng. Hơn

nữa, nước ta nói chung và Quảng Trị nói riêng ở vào thời điểm mà nếu đầu tư, sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, sản phẩm làm ra không có sức cạnh tranh, thì đến cả sự tăng trưởng về số lượng cũng không thể duy trì được. Sử dụng vốn hiệu quả là một trong những điều kiện thúc đẩy kinh tế tăng trưởng cao.

Để đánh giá hiệu quả đồng vốn có thể sử dụng hệ số ICOR* (xem xét mối quan hệ giữa đầu tư và tăng trưởng không đề cập đến các nhân tố sản xuất khác) Hệ số ICOR: cho biết một đồng vốn tạo ra được bao nhiêu đồng GDP, do đó nó phản ánh hiệu quả của vốn đầu tư. Hệ số ICOR được tính:

$$K = \frac{I_t}{Y_t - Y_{t-1}} = \frac{I_t}{\Delta Y_t}$$

I_t = Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ở năm t

Y_t = Mức gia tăng sản lượng đầu ra của nền kinh tế năm t.

BẢNG 2: Hệ số ICOR tỉnh Quảng Trị phân theo ngành kinh tế

Năm gốc 1997 - đơn vị tính: tỷ đồng

Năm		1997	2000	2001	2005
Chỉ tiêu					
Tổng	I	262,23	435	545,71	918,43
	Tỷ trọng(%)	100	100	100	100
	Δ GDP	96,76	98,84	89,50	172,28
	ICOR	2,71	4,4	5,1	5,33
Nông nghiệp	I	66,03	148,57	177,15	201,12
	Tỷ trọng(%)	25,18	34,15	32,46	21,9
	Δ GDP	30,77	39,21	25,32	29,6
	ICOR	2,15	3,79	6,94	6,79
Công nghiệp	I	15,48	47,14	65,71	338,55
	Tỷ trọng(%)	5,9	10,84	12,04	36,86
	Δ GDP	16,6	34,5	33,29	93,00
	ICOR	0,9	1,37	1,97	3,46
Dịch vụ	I	180,72	239,29	302,85	378,77
	Tỷ trọng(%)	68,92	55,0	55,5	41,24
	Δ GDP	49,79	25,13	30,69	49,68
	ICOR	3,66	9,52	9,87	7,62

Nguồn: Số liệu vốn tỉnh Quảng Trị theo giá trị 1994 được lấy bằng giá vốn hiện hành chia cho chỉ số giá GDP.

Vậy để xác định hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Quảng Trị ở mức độ nào, chúng tôi tạm thời so với ICOR của cả nước và TP Hồ Chí Minh. Nếu như năm 1996, ICOR của cả nước là 3,7 thì năm 2005 đã lên tới gần 6, trong khu vực kinh tế nhà nước tăng từ 3,9 lên 7,28; giai đoạn 2001 - 2005 Tp. Hồ Chí Minh, ICOR trung bình là 3,5. Trong xu thế chuyển đổi, hội nhập, phát triển thì ICOR tăng là một điều không thể tránh khỏi, nhưng ICOR tăng nhanh là một điều đáng lo ngại. Đối với các nước trong khu vực, năm 2004, ICOR của Trung Quốc là 3,5, Ấn Độ là 3,7, Xingapo là 4,3, Malaixia là 4,6. Đây là một thách thức đối với Việt Nam trong quá trình tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

Nếu so với cả nước thì ICOR của tỉnh Quảng Trị gần xấp xỉ, và ICOR của TP. Hồ Chí Minh thì thấp hơn. Quảng Trị, tất nhiên hiệu quả đầu tư không thể bằng một thành phố phát triển đầy năng động như TP. Hồ Chí Minh được. Quảng Trị vẫn còn là một trong những tỉnh nghèo, cơ sở hạ tầng thấp kém, đang cố gắng đầu tư xây dựng đưa nền kinh tế phát triển đi lên. Trong những năm gần đây, vốn đầu tư của tỉnh tăng liên tục nhưng tình trạng lãng phí và thất thoát còn lớn, hệ số ICOR trên 5 (mức được đánh giá trung bình là 3). Tình trạng này có 2 nguyên nhân chủ yếu:

Thứ nhất, xuất phát điểm của nền kinh tế Quảng Trị còn thấp, cơ sở vật chất thiếu thốn, cơ sở hạ tầng thấp kém đòi hỏi nhu cầu vốn đầu tư lớn để khai thác các nguồn lực cho tăng trưởng.

Thứ hai, hiệu quả đầu tư và sử dụng vốn đầu tư còn thấp do đầu tư chồng chéo, dàn trải. Việc phân bổ vốn còn mang nặng tính bao cấp, ưu đãi, tràn lan. Hoạt động đầu tư không tính toán kỹ giữa nguyên liệu, sản xuất, tiêu thụ và môi trường.

Cùng với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thì cơ cấu đầu tư cũng có sự chuyển đổi tương ứng. Tỷ trọng đầu tư công nghiệp có xu hướng tăng dần, tỷ trọng đầu tư dịch

vụ có giảm nhưng không đáng kể. Tuy nhiên, quy mô đầu tư của ngành công nghiệp vẫn còn rất nhỏ, chiếm tỷ trọng còn thấp so với yêu cầu phát triển công nghiệp đã đặt ra. Đầu tư tập trung chủ yếu vào các khu vực dịch vụ. Qua các năm, đầu tư vào dịch vụ luôn luôn chiếm tỷ trọng cao nhất: giai đoạn 1996 - 2000, chiếm 67%, gấp 3 lần vốn đầu tư nông nghiệp và gấp 9 lần công nghiệp. Đến giai đoạn 2001 - 2005, chiếm hơn 49%, còn vốn đầu tư cho công nghiệp chỉ chiếm khoảng 29%. Mặc dù vốn đầu tư vào khu vực dịch vụ rất lớn nhưng lại kém hiệu quả. Điều này thể hiện qua hệ số ICOR, ICOR của dịch vụ quá cao. Sau hai năm 1997, 1998, ICOR giữ mức trên 3, nhưng những năm sau đó thì ICOR tăng đột biến, đặc biệt năm 1999, ICOR lên đến 41,39, một con số chưa từng thấy. ICOR cao như vậy là vì mức tăng GDP năm 1999 so với năm 1998 chỉ có 5,2 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng chỉ đạt 1,12%. Nguyên nhân chủ yếu là do ngành vận tải, bưu chính viễn thông có mức đầu tư lớn (16 tỷ đồng) chiếm 54% vốn đầu tư cho khu vực dịch vụ, 27% tổng mức vốn đầu tư, gấp 7 lần vốn đầu tư công nghiệp, gấp 1,5 lần khu vực nông nghiệp. Vốn chủ yếu rót vào cơ sở hạ tầng dịch vụ là lĩnh vực thu hồi vốn chậm. Chỉ riêng các ngành vận tải, bưu chính viễn thông, kho bãi, hệ số ICOR đã là 27,68. Đây là một điều bất cập trong cơ cấu vốn đầu tư, cần phải cân nhắc đầu tư thỏa đáng cho các lĩnh vực trực tiếp tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị làm tăng GDP.

Hiệu quả sử dụng vốn thấp như đã nói ở trên, có tác động ảnh hưởng nhiều đến việc đầu tư nâng cao chất lượng lao động, quản lý, khoa học và công nghệ, đổi mới máy móc thiết bị...

Qua các giai đoạn, tốc độ tăng của vốn lớn hơn tốc độ tăng của lao động rất nhiều và luôn luôn vượt quá tốc độ tăng GDP. Do đó TFP (1996 - 2000) = 0,34% đã là quá thấp. Đến giai đoạn (2001 - 2005) TFP lại giảm xuống còn 0,15%, chiếm tỷ trọng trong tăng trưởng GDP là 1,67% xu hướng giảm TFP

thể hiện rằng trình độ công nghệ và quản lý thay đổi chậm hơn giai đoạn trước, chậm ở đây có nghĩa là chậm với vốn, lao động sống ngày càng tăng. Điều này chứng tỏ mức độ thích hợp của công nghệ trong việc sử dụng vốn còn thấp, và theo đó hiệu quả sử dụng vốn sẽ thấp hơn. Như: GDP bình quân đầu người rất thấp đạt 5,16 triệu đồng/năm xấp xỉ 400 USD; bội chi và nguồn thu ngân sách không ổn định, ngân sách trung ương phải bổ sung tăng dần hàng năm từ 50 - 70%, chi ngân sách so với GDP chiếm tỷ lệ khá cao, cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ động viên ngân sách từ GDP (năm 2005 chi ngân sách 37,23%, thu ngân sách 9,87%), tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp còn thấp, thậm chí tính bình quân chung còn thấp hơn cả lãi suất vay ngân hàng...

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

Trong xu thế hội nhập kinh tế như hiện nay - xu thế toàn cầu hóa với nền kinh tế tri thức đang phát triển mạnh cả về vốn, khoa học và công nghệ, lao động tri thức. Nếu Quảng Trị biết vận dụng những thời cơ này đồng thời kết hợp với những tiềm năng, thế mạnh của mình thích ứng với cơ chế thị trường định hướng XHCN thì mới phát huy, nâng cao hiệu quả các nhân tố tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là hiệu quả vốn đầu tư. Để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, cần đến một số giải pháp sau đây:

Một là, quy hoạch, kế hoạch là khâu đầu tiên, cũng là khâu có tầm quan trọng hàng đầu để thực hiện nhiệm vụ, chiếm lược đầu tư, chống lãng phí, phát huy hiệu quả vốn đầu tư. Nâng cao tính khoa học, đổi mới nội dung, phương pháp, quy trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch từ khâu khảo sát, thu nhận thông tin đến khâu lập, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện. Bài học không ít nơi đã rút ra, muốn phát huy hiệu quả vốn đầu tư phải khắc phục tình trạng quy hoạch "treo", quy hoạch "chay"... mà thiếu sự cân nhắc, tính toán về tăng trưởng kinh tế. Do vậy, quy hoạch tổng thể phải đồng bộ và gắn

liền quy hoạch chi tiết, phải nghiên cứu đến các tác động từ nhiều phía, xác định được xây dựng vùng, tuyến động lực, trọng tâm của cơ cấu ngành, cơ cấu sản phẩm, bao gồm sản phẩm có thế mạnh, sản phẩm mũi nhọn để thực hiện hiệu quả định hướng đầu tư, quy hoạch, kế hoạch phải mang tính dự báo cao về xu thế phát triển, về thị trường để giải quyết đầu vào lẫn đầu ra cho các sản phẩm khi tập trung sản xuất (khả năng nguồn lực, khả năng công nghệ, quản lý, chất lượng sản phẩm hàng hóa, nhu cầu thị trường và khả năng cạnh tranh...).

Hai là, coi trọng các chỉ tiêu và biện pháp về chất lượng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế. Phải phát huy tối đa mọi lợi thế so sánh về nguồn lực của tỉnh; công khai, minh bạch, bảo đảm cho các quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư thực sự là "của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân", là công cụ điều hành có hiệu quả của Nhà nước, thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư và nhân dân.

Ba là, việc lập chương trình, dự án gọi vốn đầu tư phải theo nguyên tắc "Tôn trọng quy hoạch, kế hoạch", có cơ chế bắt buộc các cơ quan lập dự án, các nhà đầu tư phải thu hút, yêu cầu các cán bộ, chuyên gia giỏi (có tổ chức) tham gia tư vấn, phản biện, giám sát, tranh thủ thu thập thông tin, khai thác ý kiến của nhân dân địa phương. Có như vậy mới tránh được sự "đổ vỡ" do mặt trái của cơ chế thị trường là: đổ trách nhiệm cho nhau, "lừa gạt" nhau để chiếm dụng đất đai, tài nguyên, tiền vốn, du nhập công nghệ và thiết bị lạc hậu để kiếm lời bất chính...

Bốn là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Cần phải quan tâm thỏa đáng, tiếp tục đổi mới công nghệ đi đôi với việc xây dựng năng lực công nghệ của tỉnh. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, đồng thời đi nhanh, đi thẳng vào công nghệ hiện đại ở những khâu, những ngành có vai trò

quyết định tác động mạnh mẽ đến sự phát triển toàn bộ nền kinh tế của tỉnh. Đa dạng hóa các loại hình giáo dục - đào tạo với quy hoạch về nguồn nhân lực, phối hợp chặt chẽ giữa các trường, trung tâm đào tạo với cơ sở sử dụng nhân lực để lao động được đào tạo ra đáp ứng yêu cầu các đơn vị sản xuất kinh doanh trong tỉnh. Có như vậy, sản phẩm làm ra chi phí hạ; năng suất lao động, hàm lượng "chất xám" tăng lên, hiệu quả vốn đầu tư được nâng cao, chất lượng tốt có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Năm là, có cơ chế chính sách sát hợp với tình hình địa phương, thu hút đầu tư cho phát triển và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Trong điều kiện tỉnh còn nhiều khó khăn thì cần tranh thủ nguồn ngân sách trung ương, nhưng phải chủ động huy động các nguồn vốn đầu tư khác nhau, không nên quá dựa vào nguồn ngân sách. Việc Chính phủ quyết định thành lập công ty quản lý nợ và tài sản được xem là một động thái tích cực để bảo toàn nguồn vốn, đảm bảo sinh lời, giảm thiểu cơ chế "xin cho" nhiều năm qua. Nhưng bên cạnh đó tỉnh đầu tư phải nhằm vào đổi mới trang thiết bị, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, điện năng...,

tránh đầu tư vào những sản phẩm không có khả năng nâng cao chất lượng, sản phẩm ứ đọng.

Sáu là, phát triển mạnh mẽ các loại thị trường về vốn, thị trường chứng khoán, thị trường lao động, thị trường bất động sản, thị trường khoa học công nghệ. Tăng cường quản lý, dự báo, giám sát, cho thị trường chứng khoán phát triển nhanh, lành mạnh và bền vững, thực sự là kênh huy động vốn quan trọng cho đầu tư phát triển nền kinh tế. Đẩy mạnh việc giải ngân vốn, xử lý tốt nợ khê đọng, chống thất thu ngân sách, nâng cao hiệu quả và sử dụng tiết kiệm ngân sách nhà nước. Tạo chuyển biến tích cực trong việc thực hiện chủ trương xã hội hóa, huy động nguồn lực cho phát triển.

Bảy là, tăng cường công tác quản lý nhà nước, giám sát, thanh tra, kiểm tra, đấu tranh phòng và chống lãng phí, tham nhũng, tiêu cực trong đầu tư, xây dựng cơ bản, sản xuất kinh doanh. Có biện pháp tích cực khắc phục những sai lầm, thiếu sót, kể cả đối với những vấn đề tuy đã có chủ trương, nhưng xét thấy tiếp tục thực hiện sẽ gây hậu quả khó lường, đặc biệt là trong quy hoạch phải kịp thời phát hiện, đề xuất để điều chỉnh./.